

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP CÔNG TÁC
PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số: 32

Ngày 21/8/2017

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Phải công khai thủ tục hành chính đầy đủ, kịp thời trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

2. Nhà nước thực hiện độc quyền thương mại với 20 loại hàng hóa, dịch vụ.

3. Quy định về phân phối lợi nhuận đối với tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Đến năm 2021, 100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương được phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác dân tộc.

5. Giáo viên chuyên trách giảng dạy cho người khuyết tật được hưởng phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp ưu đãi hằng tháng.

6. Không ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện kiểm toán tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và các cơ quan ở trung ương.

CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước?
2. Quy định về nguyên tắc bồi thường của Nhà nước?
3. Những người có quyền yêu cầu Nhà nước bồi thường?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. PHẢI CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẦY ĐỦ, KỊP THỜI TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG KHAI TẠI TRỤ SỞ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục hành chính (TTHC) phải được kiểm soát ngay từ khi đề nghị xây dựng văn bản QPPL và được tiến hành thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện. Một TTHC chỉ hoàn thành khi đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành cơ bản gồm: tên, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó phải xác định rõ tên, căn cứ pháp lý, thời gian, địa điểm thực hiện và phí, lệ phí trong trường hợp được phân cấp hoặc ủy quyền quy định. Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

Theo đó, quyết định công bố TTHC của cơ quan có thẩm quyền phải được ban hành chậm nhất trước

20 ngày tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp văn bản QPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản QPPL có quy định về TTHC.

TTHC đã được người có thẩm quyền công bố phải công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC thông qua việc niêm yết hoặc sử dụng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc kết xuất, kết nối, tích hợp dữ liệu TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Thời hạn nhập, đăng tải công khai TTHC đã công bố vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định

công bố của Chủ tịch UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương; 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố TTHC theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2017.

2. NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN ĐỘC QUYỀN THƯƠNG MẠI VỚI 20 LOẠI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Đây là nội dung được quy định tại Nghị định số 94/2017/NĐ-CP ngày 10/8/2017 của Chính phủ về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại.

Theo đó, 20 hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại gồm: hàng hóa, dịch vụ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; sản xuất, mua, bán, xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, vận chuyển quá cảnh vật liệu nổ công nghiệp; sản xuất vàng miếng; xuất, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng; phát hành xổ số kiến thiết; nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà (trừ trường hợp nhập khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế); quản lý, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia; in, đúc tiền; phát hành tem bưu chính Việt Nam; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ pháo hoa và các dịch vụ liên quan đến pháo hoa; truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý

nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội; dịch vụ công ích bảo đảm hàng hải (vận hành hệ thống đèn biển, vận hành hệ thống luồng hàng hải công cộng); dịch vụ công ích thông tin duyên hải (quản lý, vận hành khai thác hệ thống đài thông tin duyên hải); bảo đảm hoạt động bay (dịch vụ không lưu, dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn); hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư (quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt, không bao gồm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt); quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, thủy nông liên tỉnh, liên huyện; kế biển trong trường hợp giao kế hoạch; cung ứng dịch vụ lâm nghiệp tại rừng đặc dụng (trừ khu rừng bảo vệ cảnh quan được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế thuê để bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái- môi trường); xuất bản (không bao gồm hoạt động in và phát hành) xuất bản phẩm; quản lý, duy trì, khai thác mạng bưu chính công cộng; cung ứng dịch vụ công ích trong hoạt động báo chí.

Cơ quan nhà nước có quyền thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại thông qua hình thức trực tiếp thực hiện hoặc chỉ định cho tổ chức, cá nhân thực hiện. Việc chỉ định phải do Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bằng văn bản. Hoạt động thương mại độc quyền nhà nước phải được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan

quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền các cấp không được quy định hoạt động, hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện hoạt động thương mại độc quyền nhà nước. Đối với hàng hóa, dịch vụ, địa bàn phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Các tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước hoạt động thương mại trong lĩnh vực độc quyền nhà nước chịu các biện pháp kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cạnh tranh, pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2017.

3. QUY ĐỊNH VỀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày 07/08/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

Theo đó, lợi nhuận của tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có); bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định; lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản được phân phối theo thứ tự sau: Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; 10% vào quỹ dự phòng tài chính; tối đa 25% vào quỹ đầu tư phát triển; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định pháp luật được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định pháp luật được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định của pháp luật được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; tổ chức tín dụng không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trích quỹ thưởng người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên, cụ thể: Tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định pháp luật được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; Tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định pháp luật được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định pháp luật hoặc

doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định nêu trên được nộp về ngân sách nhà nước.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ 25/9/2017 thay thế Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012.

4. ĐẾN NĂM 2021 100% CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA CƠ QUAN LÀM CÔNG TÁC DÂN TỘC TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

Ngày 08/8/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021”.

Theo đó, Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2017 đến hết năm 2021 trên địa bàn 52/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống với mục tiêu nhằm tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào các dân tộc xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhằm ổn định chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững

vùng dân tộc thiểu số và miền núi; triển khai sâu rộng, toàn diện và tăng cường nguồn lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của Đề án.

Phân đầu đến năm 2021, 100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương được phổ biến, giáo dục pháp luật và cung cấp thông tin rộng rãi về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật; trên 80% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi được cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về phổ biến pháp luật và tuyên truyền, vận động về lĩnh vực công tác dân tộc, theo yêu cầu nhiệm vụ; trên 70% đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi được phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng, duy trì chương trình, chuyên trang, chuyên mục về phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động về công tác dân tộc, chính sách dân tộc để nâng cao nhận

thức cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi; chú trọng công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số rất ít người và những địa bàn

xung yếu; triển khai xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với phong tục tập quán, địa bàn và nhu cầu của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. GIÁO VIÊN CHUYÊN TRÁCH GIẢNG DẠY CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM VÀ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HẰNG THÁNG

Ngày 10/8/2017, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Theo đó, nhà giáo chuyên trách giảng dạy người khuyết tật là nhà giáo có toàn bộ thời gian trong năm học giảng dạy cho người khuyết tật sẽ được hưởng tiền phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp ưu đãi giảng dạy hằng tháng. Số tiền phụ cấp này được trả cùng kỳ lương hằng tháng kể cả thời gian nghỉ hè. Trong đó, tiền phụ cấp trách nhiệm công việc được tính bằng mức phụ cấp trách nhiệm công việc được hưởng nhân với mức lương cơ sở; tiền phụ cấp ưu đãi được tính bằng hệ số lương theo ngạch, hạng, bậc cộng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh

đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng nhân với mức lương cơ sở nhân với mức phụ cấp ưu đãi được hưởng.

Thời gian nhà giáo chuyên trách giảng dạy người khuyết tật không được tính, hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp ưu đãi giảng dạy gồm: thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định; thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng; thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội hiện hành hoặc có thời gian bị đình chỉ giảng dạy thì khoảng thời gian đó sẽ không được tính, hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2017.

6. KHÔNG ỦY THÁC HOẶC THUÊ DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỂ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN TẠI CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN

THUỘC CHÍNH PHỦ VÀ CÁC CƠ QUAN Ở TRUNG ƯƠNG

Quyết định số 09/2017/QĐ-KTNN ngày 15/8/2017 của Kiểm toán nhà nước ban hành quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán quy định: Kiểm toán nhà nước chỉ được ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện kiểm toán đối với tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; Ban Quản lý dự án đầu tư có nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí ODA, NGO (khi có yêu cầu); Hội, liên hiệp hội, tổng hội và các tổ chức khác được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động; doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, doanh nghiệp có góp vốn của nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; các đơn vị nhận trợ giá, trợ cấp của Nhà nước, đơn vị có nợ vay được Nhà nước bảo lãnh; các cơ quan, tổ chức khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định. Không được ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện kiểm toán tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác của trung ương; cơ quan được giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp; HĐND, UBND các cấp, cơ quan khác của địa phương; đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị quản lý quỹ dự trữ của Nhà nước, quỹ dự

trữ của các ngành, các cấp, quỹ tài chính khác của Nhà nước; tổ chức quản lý tài sản quốc gia; tổ chức chính trị; các cơ quan, tổ chức sử dụng, quản lý tài chính công, tài sản công thuộc bí mật nhà nước.

Doanh nghiệp được ủy thác hoặc thuê thực hiện kiểm toán phải có đủ các điều kiện: là doanh nghiệp kiểm toán đã đủ điều kiện hoạt động hợp pháp, được chấp thuận có tên trong danh sách công khai của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Ngân hàng thế giới (WB) lựa chọn hàng năm; trong 03 năm trước liền kề không có sai phạm bị cơ quan nhà nước hoặc Hội nghề nghiệp về kiểm toán xử lý liên quan đến chất lượng kiểm toán; doanh nghiệp kiểm toán trong năm hiện tại và trong 02 năm trước liền kề không thực hiện dịch vụ ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán nội bộ, định giá tài sản, tư vấn quản lý, tư vấn tài chính cho khách hàng là đơn vị được kiểm toán mà Kiểm toán nhà nước ủy thác hoặc thuê kiểm toán; không thực hiện các dịch vụ trên trong thời kỳ được kiểm toán thuộc nội dung kiểm toán mà Kiểm toán nhà nước ủy thác hoặc thuê kiểm toán; người quản lý, điều hành của doanh nghiệp kiểm toán không phải là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị được kiểm toán hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính khác với đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán...

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Kiểm toán nhà nước có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định tại Hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán có nghĩa vụ chấp hành sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp

đồng và chất lượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Kiểm toán nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/9/2017.

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Bộ Thông tin và Truyền thông đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin trong đó quy định chi tiết một số điều về các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được thực hiện quyền tiếp cận thông tin; tiếp cận thông tin của công dân thông qua tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và các biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Theo đó, cơ quan nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan.

Để tạo điều kiện cho người khuyết tật được tiếp cận thông tin, cơ quan cung cấp thông tin phải đa dạng hóa các hình thức, phương thức cung cấp thông tin phù hợp với người yếu cầu cung cấp thông tin; bố trí thiết bị nghe - xem và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình; bố trí cán bộ hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; lồng ghép các kiến thức, kinh nghiệm về người khuyết tật, về các dạng và mức độ khuyết tật trong các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn cho bộ phận đầu mối và cán bộ đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan. Các trang/công thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước cần phải cung cấp chức năng cơ bản để

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các trang/cổng thông tin điện tử phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình. Các thông tin liên quan trực tiếp tới đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người khuyết tật phải được kịp thời công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi cho người khuyết tật.

Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng, điều kiện khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt như: thông qua trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (nếu có) và các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương; thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình và các hệ thống truyền phát tin khác của địa phương; các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc; xây dựng tài liệu chuyên đề, tờ rơi, ấn phẩm, trong trường hợp cần thiết được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng để chia sẻ thông tin cho công dân; chia sẻ kinh nghiệm

về hoạt động cung cấp thông tin cho các khu vực khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa - chính trị của cơ quan, địa phương, trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách mới của các cơ quan nhà nước trên địa bàn; tăng thời lượng truyền, phát bản tin đối với loại thông tin tin liên quan đến cơ chế, chính sách của người dân sinh sống tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Kinh phí thực hiện việc cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm. Chi phí thu được từ việc cung cấp thông tin phải được nộp vào ngân sách nhà nước và sử dụng theo quy định của pháp luật. Người yêu cầu không phải trả chi phí khi cơ quan cung cấp thông tin qua mạng điện tử. Chi phí cung cấp thông tin phải được người yêu cầu trả trước khi cung cấp thông tin đối với việc cung cấp thông tin qua đường bưu điện.

Dự kiến Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1.Hỏi: Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước?

***Trả lời:** Điều 16 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

01/7/2018 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường sau đây:

1. Giả mạo tài liệu, giấy tờ hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ sai sự thật trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường.
2. Thông đồng giữa người yêu cầu bồi thường với người giải quyết bồi thường, người có liên quan để trục lợi.
3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn can thiệp trái pháp luật vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả và xem xét. Xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại.
4. Không giải quyết yêu cầu bồi thường hoặc không ra quyết định giải quyết bồi thường hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường trái pháp luật.
5. Không thực hiện việc xác định trách nhiệm hoàn trả hoặc không xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại.
6. Sách nhiễu, cản trở hoạt động giải quyết yêu cầu bồi thường.

2. Hỏi: Quy định về nguyên tắc bồi thường của Nhà nước?

***Trả lời:** Điều 4 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2018 quy định nguyên tắc bồi thường của Nhà nước như sau:

1. Việc bồi thường của Nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật này.
2. Việc giải quyết yêu cầu bồi thường được thực hiện kịp thời, công khai, bình đẳng, thiện chí, trung thực, đúng pháp luật; được tiến hành trên cơ sở

thương lượng giữa cơ quan giải quyết bồi thường và người yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật này.

Việc giải quyết yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại theo quy định tại Mục 1 Chương V của Luật này.

3. Người yêu cầu bồi thường đã yêu cầu một trong các cơ quan giải quyết bồi thường quy định tại khoản 7 Điều 3 của Luật này giải quyết yêu cầu bồi thường và đã được cơ quan đó thụ lý giải quyết thì không được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 52 của Luật này.

4. Nhà nước giải quyết yêu cầu bồi thường sau khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc kết hợp giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án đối với yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự theo quy định của Luật này.

5. Trường hợp người bị thiệt hại có một phần lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì Nhà nước chỉ bồi thường phần thiệt hại sau khi trừ đi phần thiệt hại tương ứng với phần lỗi của người bị thiệt hại

3. Hỏi: Những người có quyền yêu cầu nhà nước bồi thường?

***Trả lời:** Điều 5 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

lực ngày 01/7/2018 quy định những người sau đây có quyền yêu cầu Nhà nước bồi thường:

1. Người bị thiệt hại;
2. Người thừa kế của người bị thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại chết; tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của tổ chức bị thiệt hại đã chấm dứt tồn tại;
3. Người đại diện theo pháp luật của người bị thiệt hại thuộc trường hợp phải có người đại diện theo pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự;
4. Cá nhân, pháp nhân được những người quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều này ủy quyền thực hiện quyền yêu cầu bồi thường.

4. Hỏi: *Trách nhiệm của cơ quan giải quyết bồi thường?*

***Trả lời:** Điều 15 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2018 quy định như sau:

1. Tiếp nhận, thụ lý yêu cầu bồi thường.
2. Phục hồi danh dự hoặc yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại theo quy định của Luật này.
3. Giải thích cho người yêu cầu bồi thường về các quyền và nghĩa vụ của họ trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường.
4. Xác định thiệt hại; tiến hành thương lượng, đối thoại, hòa giải trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ yêu cầu bồi thường, tính đúng đắn của các văn bản, tài liệu giải quyết yêu cầu bồi thường và quyết định giải quyết bồi thường.

6. Ra bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường, tổ chức thực hiện hoặc yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thực hiện bản án, quyết định đó.

7. Gửi bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường cho cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và cá nhân, tổ chức khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Khôi phục hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị thiệt hại.

9. Hướng dẫn người yêu cầu bồi thường thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Tham gia tố tụng tại Tòa án trong trường hợp người yêu cầu bồi thường khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 52 hoặc Điều 55 của Luật này.

12. Xác định trách nhiệm hoàn trả hoặc yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

và thu tiền hoàn trả theo quy định của Luật này.

13. Xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại.

14. Báo cáo về việc giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả và việc xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

15. Trường hợp Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính giải quyết yêu cầu bồi thường thì phải xác định hành vi của người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 7 của Luật này trước khi thực hiện các trách nhiệm quy định tại các khoản 2,3,4,5,6,7,8,10, 11, 12, 13 và 14 Điều này./.